

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2017
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Mộng Dung;
2. Ông Nguyễn Văn Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2017 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐST-HN ngày 12/6/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2017/QĐST-HN ngày 28/6/2017 và quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 107/QĐCA-TA ngày 14/7/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị Minh M, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ 03, khóm CL4 (chỗ ở hiện nay đường số 4, khu dân cư Bờ BT, khóm Châu CT3), phường B, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ 03, khóm VC2, phường VN, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà M có mặt, ông V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị Minh M trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn ông Trần Văn V tự nguyện tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày

27/10/2009 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Châu Đốc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2014 vợ chồng có dấu hiệu rạn nứt và phát sinh mâu thuẫn. Khoảng tháng 10/2015 nguyên đơn đem 02 (hai) con về gia đình cha mẹ ruột sinh sống. Trong thời gian này, ông V ít tới lui thăm nom con chung. Do tình cảm vợ chồng không còn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung, trong thời gian chung sống, nguyên đơn và ông V có 02 con chung tên Trần Hà Minh N, sinh ngày 16/4/2011 và Trần Nhật T, sinh ngày 10/10/2015. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung

Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ; niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng ông V vắng mặt, không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành được việc mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của ông Trần Văn V tại công an phường VN và tình trạng hôn nhân giữa bà Hà Thị Minh M và ông Trần Văn V tại Hội Liên hiệp Phụ nữ phường VN, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội và Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố D.

Kết quả xác minh, công an phường VN cho biết:

Đương sự Trần Văn V, sinh năm 1988 đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 8, khóm VC2, phường VN, thành phố D, tỉnh An Giang. Hiện nay đương sự Trần Văn V không có mặt tại địa phương.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Ngọc N và ông Trần Văn M tại Hội Liên hiệp Phụ nữ phường VN thể hiện:

Trong thời gian chung sống, giữa bà M và ông V mâu thuẫn gia đình gây gổ, tranh cãi, thời gian phát sinh mâu thuẫn cách đây khoảng 3 đến 4 năm. Hiện nay bà M cùng cha mẹ ruột đã bán nhà ở phường VN về phường B sinh sống. Từ ngày gia đình bà M bán nhà về phường B sinh sống, ông V về nhà mẹ ruột khoảng vài tháng thì bỏ địa phương đi đâu không biết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà M trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và ông V có bất đồng trong chuyện tiền bạc. Từ khi nguyên đơn về nhà mẹ ruột sinh sống, ông V không quan tâm đến vợ và con. Tết năm 2017, ông V có về thăm con được vài ngày rồi bỏ đi cho đến nay. Hiện tại, con đến tuổi đến trường, nguyên đơn muốn tách hộ khẩu và cho con nhập chung hộ khẩu với mẹ ruột tại phường B thì không thực hiện được, công an yêu cầu phải có ý kiến của ông V hoặc trong trường hợp nguyên đơn và ông V ly hôn và nguyên đơn được Tòa án giao quyền cho nuôi dạy con chung thì mới

được tách và nhập hộ khẩu. Nguyên đơn đã 02 lần nộp đơn đến Tòa án để xin ly hôn với ông V nhưng do không liên lạc được với ông V và qua sự động viên của Tòa án nên nguyên đơn đã rút lại đơn khởi kiện. Lần này là lần thứ ba nguyên đơn nộp đơn; nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông V và yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại nguyên đơn vẫn một mình nuôi con và ông V không hề quan tâm đến vợ con cũng như giữa nguyên đơn và ông V đã không còn sống chung từ khoảng đầu năm 2015 đến nay.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (BLTTDS).

Việc Tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nên thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án, bà Hà Thị Minh M và ông Trần Văn V có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Lời khai của bà M về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng và hiện tại không còn sống chung phù hợp với kết quả xác minh tại Hội Liên hiệp Phụ nữ phường VN. Mặt khác, hiện tại ông V không có cư trú tại địa phương như kết quả xác minh từ công an phường VN cho biết nên việc hàn gắn mâu thuẫn gia đình là không thể thực hiện. Do đó, việc nguyên đơn bà M khởi kiện xin ly hôn đối với ông V là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, bà M và ông V có 02 con chung tên Trần Hà Minh N, sinh ngày 16/4/2011 và Trần Nhật T, sinh ngày 10/10/2015. Hiện tại bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu N và T nên bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung là có căn cứ.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Hà Thị Minh M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trần Văn V; bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ 3, khóm VC2, phường VN, thành phố D. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập bị đơn đến phiên tòa lần thứ 2, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung:

[1] Bà M và ông V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/10/2009 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, bà M và ông V không còn sống chung từ năm 2015 đến nay và hiện tại ông V không có cư trú tại địa phương và lần khởi kiện này là lần thứ ba bà M nộp đơn xin ly hôn với ông V nên việc hàn gắn mâu thuẫn là không thể thực hiện được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc ly hôn với ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà M và ông V có 02 con chung tên Trần Hà Minh N, sinh ngày 16/4/2011 và Trần Nhật T, sinh ngày 10/10/2015. Hiện tại bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu T, ông V bỏ địa phương đi đâu không rõ nên bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[4] Về án phí: Bà Hà Thị Minh M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

Ông Trần Văn V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Minh M;

Bà Hà Thị Minh M được ly hôn ông Trần Văn V.

Về con chung: Bà Hà Thị Minh M được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Trần Hà Minh N, sinh ngày 16/4/2011 và Trần Nhật T, sinh ngày 10/10/2015. Ông Trần Văn V không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Hà Thị Minh M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Văn V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Hà Thị Minh M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0007208 ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố D. Bà M đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Văn V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Hà Thị Minh M có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trần Văn V được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm